

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **84/2022/DS-ST**

Ngày: 09 – 9 - 2022

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Ngâm và ông Huỳnh Khắc Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 112/2022/TLST-DS ngày 01/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2022/QĐXXST-DS ngày 02/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2022/QĐST-DS ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K; Địa chỉ trụ sở: Đường T, Phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ liên hệ: Đường M, Phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc B – Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Kim T – Chức vụ: Phó phòng khách hàng cá nhân (Văn bản ủy quyền số 47/UQ-NHKL ngày 20/01/2022 của Ngân hàng TMCP K. Ông T có mặt.

- *Bị đơn:* Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1984, địa chỉ liên hệ: Đường L, Phường V, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trần Thị Thu H, sinh năm 1973; trú tại Đường P, Phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K do ông Trần Kim T là người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Ngày 03/11/2020, bà Trần Thị Ngọc D và bà Trần Thị Thu H (là người liên đới trách nhiệm) có vay của ngân hàng TMCP K- Chi nhánh Phú Yên theo Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A1142149/HĐTD-CC, số tiền vay 40.000.000 đồng, giải ngân ngày 03/11/2020 mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 120 ngày, mức trả nợ hàng ngày cả gốc và lãi là 350.864 đồng, riêng ngày cuối cùng là 351.264 đồng, lãi suất cho vay 16%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Tài sản đảm bảo Hợp đồng vay là 01 xe máy nhãn hiệu HONDA AIR BLADE, số khung 6325HZ100279, số máy JF6E2120451, biển số X của bà Trần Thị Ngọc D.

Trong quá trình vay vốn, bà H và bà D thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi được 32 kỳ thanh toán (32 ngày) cho Ngân hàng từ ngày 04/11/2020 đến hết ngày 05/12/2020 đối với Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố nêu trên. Từ đó đến nay, bà D và bà H không tiếp tục thực hiện thanh toán nợ như thỏa thuận tại Hợp đồng được ký kết giữa các bên.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Ngọc D, Trần Thị Thu H phải trả cho Ngân hàng K số tiền gốc 24.999.750 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 06/12/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đối với tài sản là xe máy HONDA AIRBLADE thì ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý tài sản cầm cố này.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc D và Trần Thị Thu H vắng mặt nên không có lời trình bày. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú của bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn Trần Thị Ngọc D và Trần Thị Thu H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn là bà D phải trả nợ, khi bà D không trả nợ được thì yêu cầu bà H trả nợ thay. Yêu cầu bị đơn phải trả cho Ngân hàng K số tiền 36.275.195 đồng, gồm có nợ gốc là 24.999.750 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.315.050 đồng, lãi quá hạn là 9.960.395 đồng, tính đến ngày 09/9/2022. Sau thời gian này, Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi theo lãi suất đã thỏa thuận giữa các bên cho đến khi bị đơn thanh toán xong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Nguyên đơn thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu bà Trần Thị Ngọc D trả nợ, trường hợp bà D không trả nợ được thì yêu cầu bà H trả nợ thay. Xét việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị chấp nhận, đề nghị xác định bị đơn là bà Trần Thị Ngọc D, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu H. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Trần Thị Ngọc D phải trả nợ số tiền 36.275.195 đồng, gồm có nợ gốc là 24.999.750 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.315.050 đồng, lãi quá hạn là 9,960,395 đồng, tính đến ngày 09/9/2022 và tiền lãi phát sinh từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ theo thỏa thuận về lãi suất giữa các bên tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bị đơn D không trả nợ được thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu H có nghĩa vụ trả nợ thay. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Ngọc D và Trần Thị Thu H phải trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên. Bị đơn có địa chỉ tại Đường P, Phường G, thành phố T nên Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn Trần Thị Ngọc D, Trần Thị Thu H theo nội dung Hợp đồng tín dụng kèm Hợp đồng cầm cố số A1142149 ngày 03/11/2020. Sau đó, nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của bị đơn D tại Đường L, Phường V, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Kết quả xác minh ngày 18/7/2022 tại Công an Phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên xác định bà H có đăng ký thường trú tại địa chỉ Đường P, Phường G. Tuy nhiên, nhà tại địa chỉ Đường P, Phường G đã bán, bà H không sinh sống tại địa phương. Biên bản xác minh ngày 07/7/2022 tại Công an phường V, thành phố T xác định bà D có đăng ký thường trú và có mặt tại địa chỉ Đường L, Phường V, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

[3] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà D và bà H phải có nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bà D trả nợ, trường hợp không trả nợ được thì yêu cầu bà H phải trả nợ thay. Xét việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, tại Điều 4 Quyền và nghĩa vụ của các bên tại Hợp đồng tín dụng kèm Hợp đồng cầm cố ký kết giữa các bên có nội dung: “... *Người liên đới trách nhiệm chịu trách nhiệm trả nợ thay nếu người vay không hoàn trả nợ vay theo đúng hợp đồng này...*” . Người liên đới trách nhiệm theo Hợp đồng đã ký kết giữa các bên là bà Trần Thị Thu H. Trong vụ án này, bà H được xác định là người bảo lãnh theo quy định tại Điều 335 Bộ luật dân sự và theo đúng nội dung của Hợp đồng đã ký kết

giữa các bên. Do đó, xác định bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn bà D là bị đơn trong vụ án.

[4] TAND thành phố Tuy Hòa thụ lý, giải quyết, tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Nguyên đơn cung cấp Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A1142149/HĐTD-CC ký kết giữa Ngân hàng và bị đơn có nội dung bà Trần Thị Ngọc D và bà Trần Thị Thu H (là người liên đới trách nhiệm) vay của ngân hàng TMCP K Chi nhánh Phú Yên số tiền 40.000.000 đồng, giải ngân ngày 03/11/2020 mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 120 ngày, mức trả nợ hàng ngày cả gốc và lãi là 350.864 đồng, riêng ngày cuối cùng là 351.264 đồng, lãi suất cho vay 16%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Tài sản đảm bảo Hợp đồng vay là 01 xe máy nhãn hiệu HONDA AIR BLADE, số khung 6325HZ100279, số máy JF63E2120451, biển số X của bà Trần Thị Ngọc D. Trong quá trình vay vốn, bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi được 32 kỳ thanh toán (32 ngày) cho Ngân hàng từ ngày 04/11/2020 đến hết ngày 05/12/2020. Từ ngày 06/12/2020 đến nay, bị đơn không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

Xét, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 06/12/2020, yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là phù hợp với quy định tại Điều 4 Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố ngày 03/11/2020, Điều 463, 466 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[6] Bị đơn Trần Thị Ngọc D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng, không có lời trình bày ý kiến tại Tòa nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Trần Thị Ngọc D phải trả số nợ gốc 24.999.750 đồng cho nguyên đơn.

[7] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 06/12/2020 theo mức lãi suất đã thỏa thuận cho đến khi trả dứt nợ vay. Xét bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên nên ngoài việc có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc thì còn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh tính trên dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận là phù hợp quy định tại Điều 2 Hợp đồng tín dụng và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[8] Mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận giữa các bên là 150% lãi suất trong hạn, tương ứng là 24%/năm. Như vậy, số tiền lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc 24.999.750 đồng bị đơn phải trả từ ngày 06/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/9/2022 là 9.960.395 đồng. Nợ lãi trong hạn là 1.315.050 đồng. Do đó, tổng số tiền gốc và lãi mà bà D phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/9/2022 là 36.275.195 đồng, gồm có nợ gốc là 24.999.750 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.315.050 đồng, lãi quá hạn là 9,960,395 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Ngọc D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

Trường hợp bị đơn Trần Thị Ngọc D không trả được số nợ trên thì bà Trần Thị Thu H có trách nhiệm trả nợ thay cho bà D theo thỏa thuận giữa các bên đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A1142149/HĐTD-CC ngày 03/11/2020.

[9] Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết đối với tài sản là 01 xe máy nhãn hiệu HONDA AIR BLADE, số khung 6325HZ100279, số máy JF6E2120451, biển số X của bà Trần Thị Ngọc D theo nội dung Hợp đồng cầm cố tài sản nên HĐXX không xét.

[10] Về án phí: Hoàn lại cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn Trần Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 335, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 4 Điều 161 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 7, Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/N-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K; Buộc bị đơn Trần Thị Ngọc D phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 36.275.195 đồng, gồm có nợ gốc là 24.999.750 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.315.050 đồng, lãi quá hạn là 9,960,395 đồng, tính đến ngày 09/9/2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

Trường hợp bị đơn Trần Thị Ngọc D không trả được số nợ trên thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thu H có trách nhiệm trả nợ thay cho bị đơn D theo thỏa thuận giữa các bên đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A1142149/HĐTD-CC.

Về án phí: Bị đơn Trần Thị Ngọc D phải chịu 1.813.760 đồng (Một triệu tám trăm mười ba nghìn bảy trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP K số tiền 867.843 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0005417 ngày 01/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Uyên